

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Dược liệu và Thực phẩm Việt Nam

Ngày 31/12/2025	3,800 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	-	-

DT thuần Q4/25	116
tỷ VNĐ	
QoQ: ▲ 67.1 137%	
YoY: ▲ 53.7 86.2%	

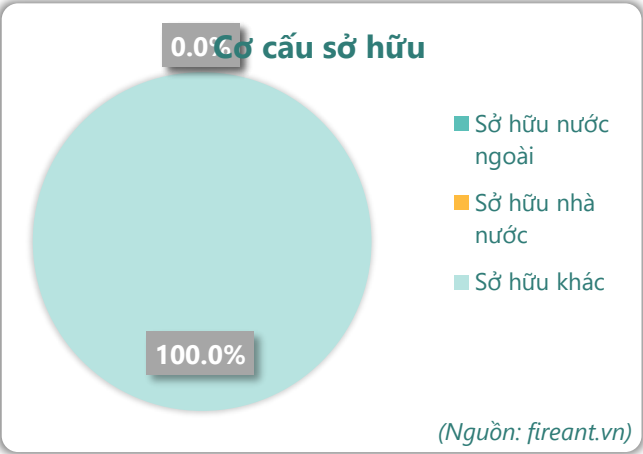
LN thuần Q4/25	3.24
tỷ VNĐ	
YoY: ▲ 3.03 1443%	

LN sau thuế Q4/25	2.52
tỷ VNĐ	
QoQ: ▼0.06 -2.1%	
YoY: ▲ 2.04 426%	

Tỷ suất lãi EBIT 2025	6.8%
YoY: +/-▲ 4.7%	

ROE 2025	4.8%
YoY: +/-▲ 4.2%	

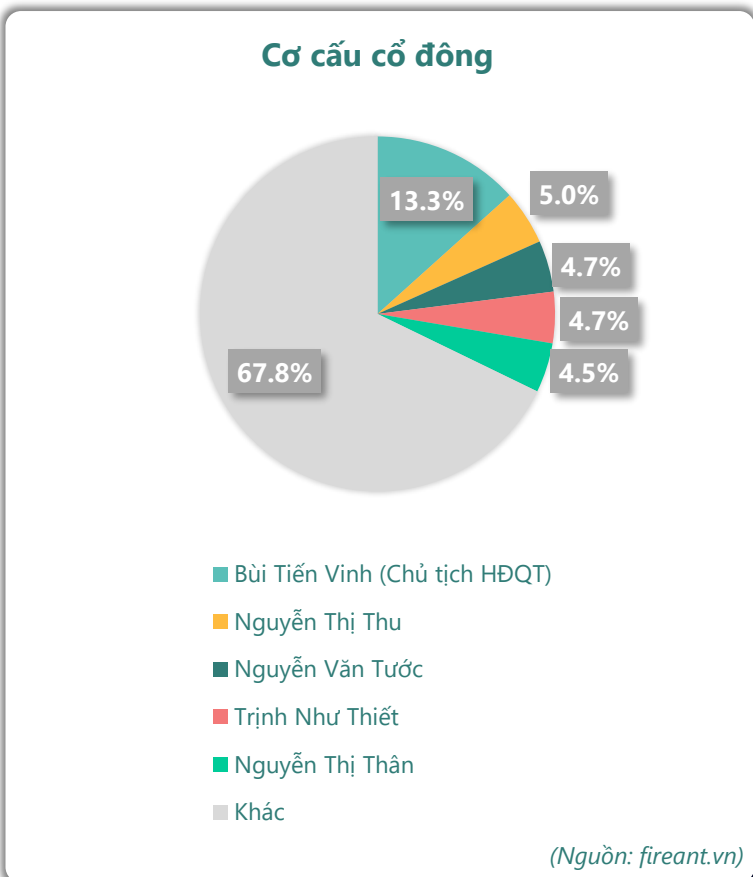
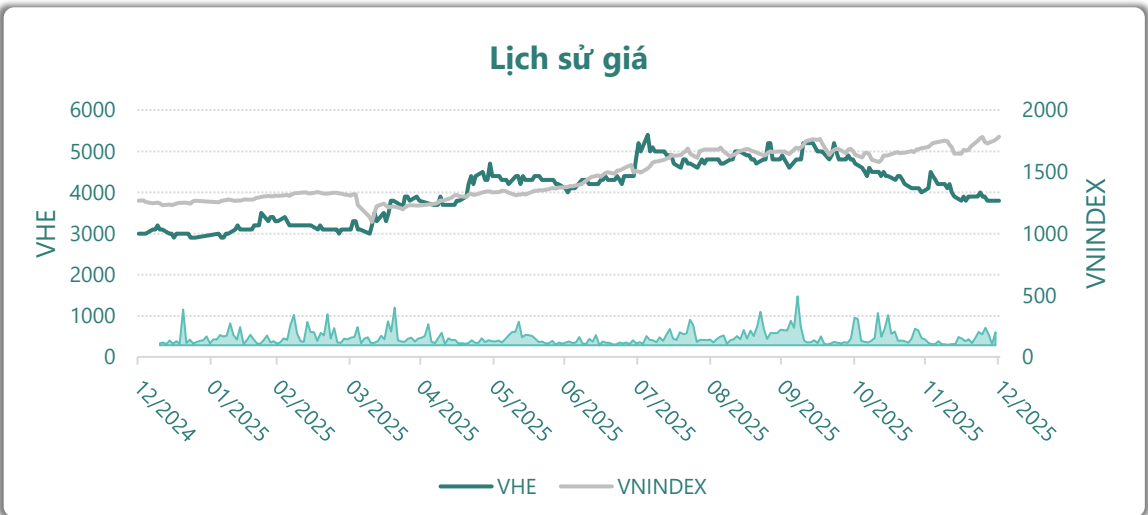
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	2,900 - 5,400
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	126
Số lượng CPLH (CP)	33,139,966
KLGD BQ 20 phiên (CP)	246,075
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.87
EPS	529
P/E	7.2



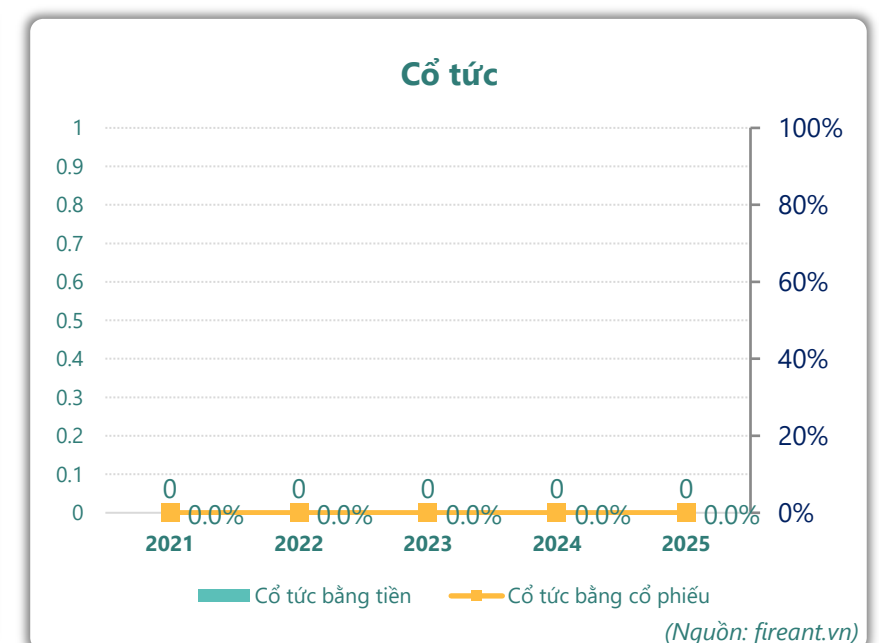
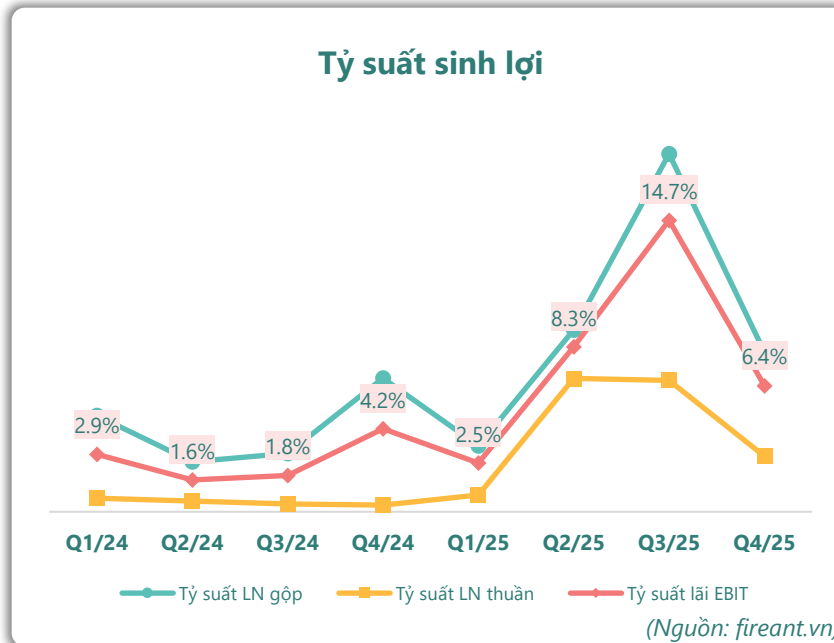
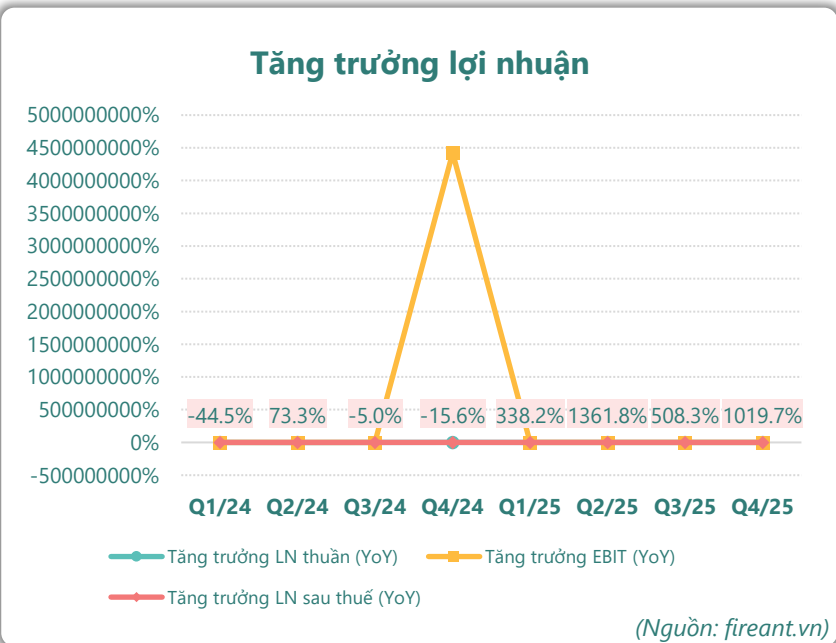
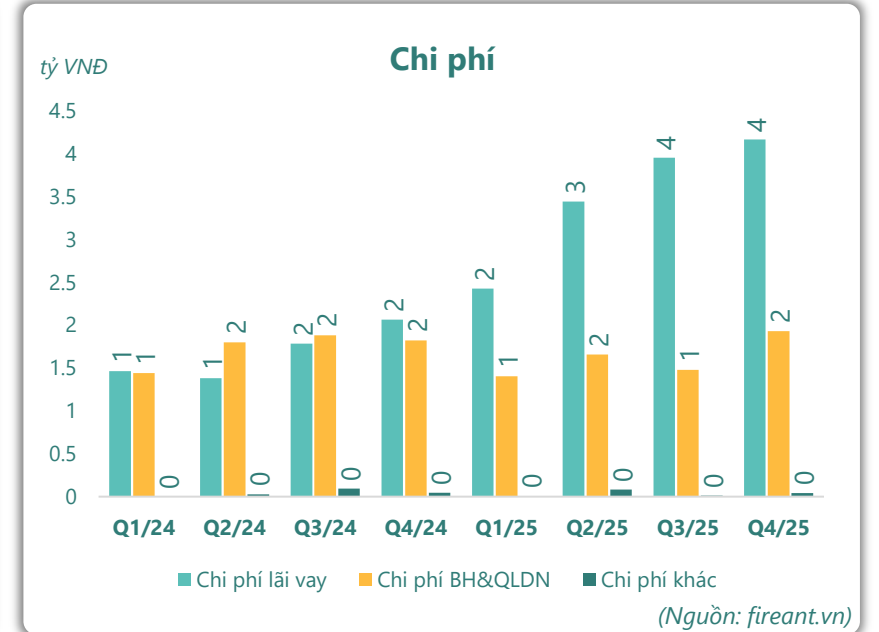
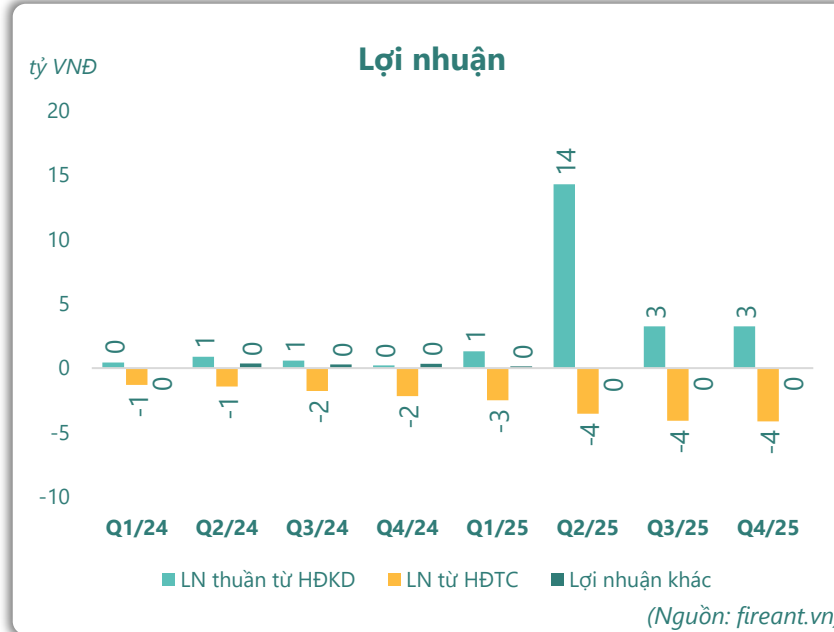
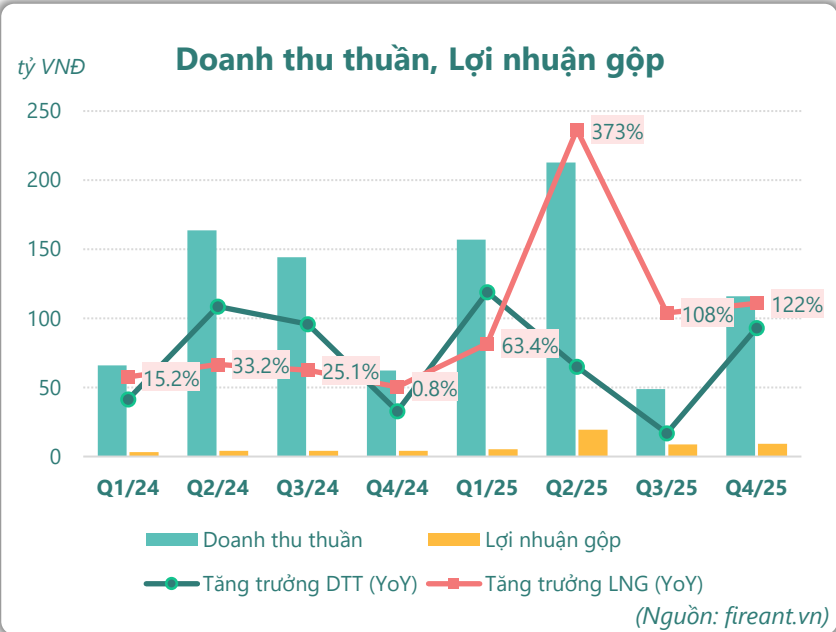
DT thuần 2025	535
tỷ VNĐ	
YoY: ▲ 99.0 22.6%	

LN thuần 2025	22.1
tỷ VNĐ	
YoY: ▲ 20.0 944%	

LN sau thuế 2025	17.6
tỷ VNĐ	
YoY: ▲ 15.7 812%	



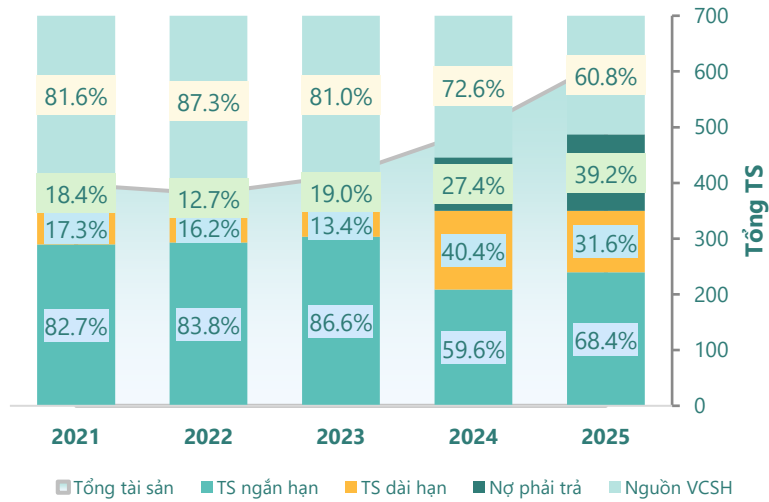
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

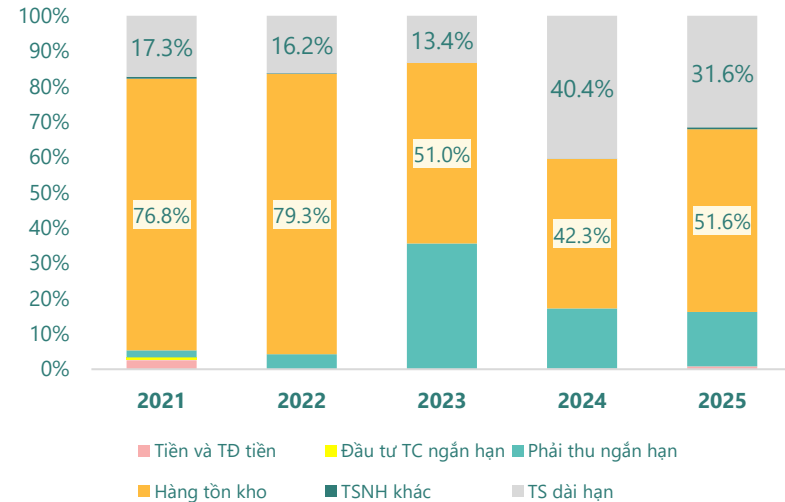
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

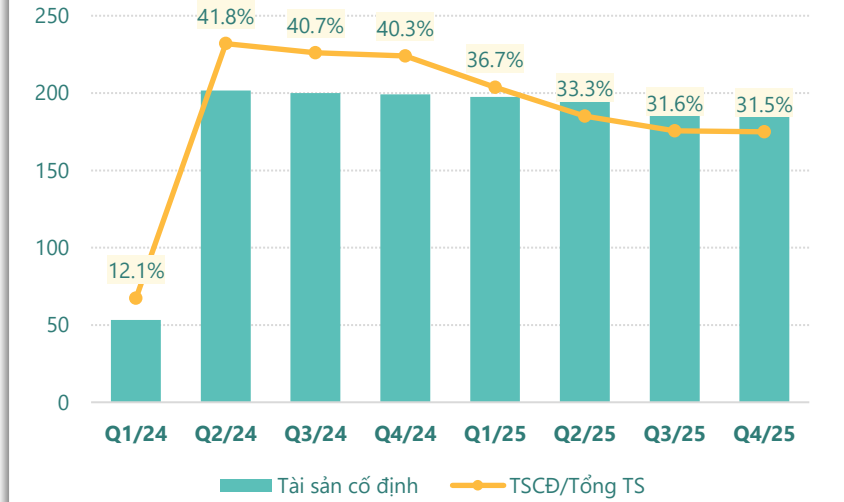
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

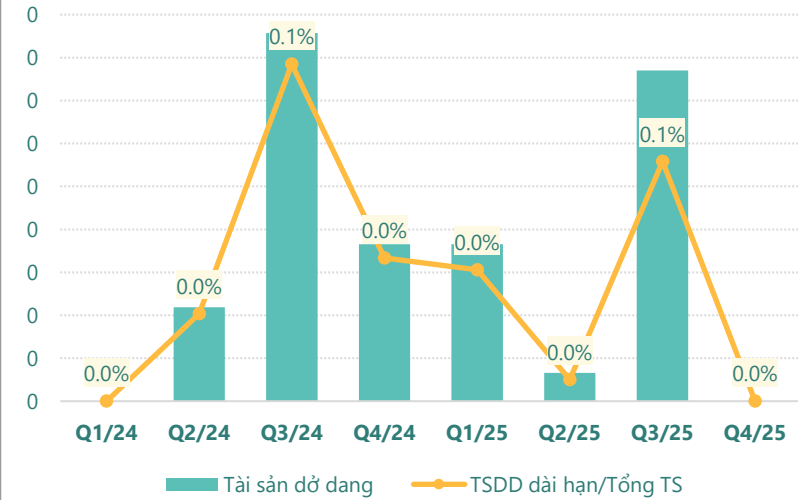
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

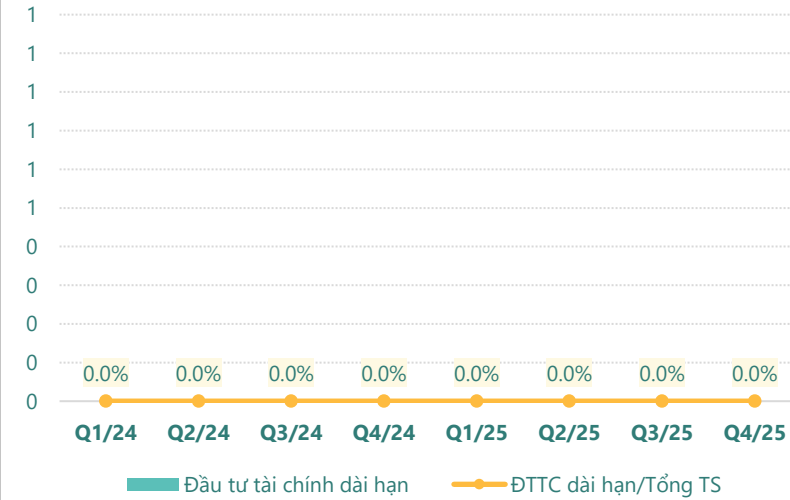
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

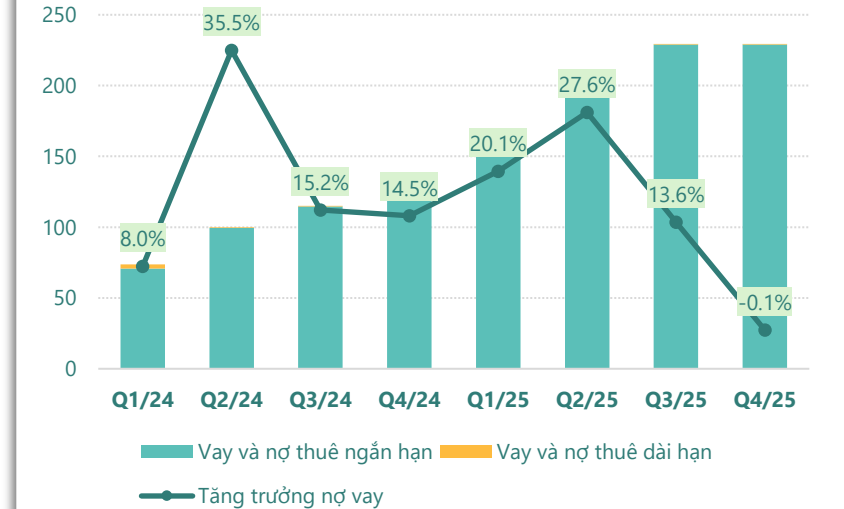
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

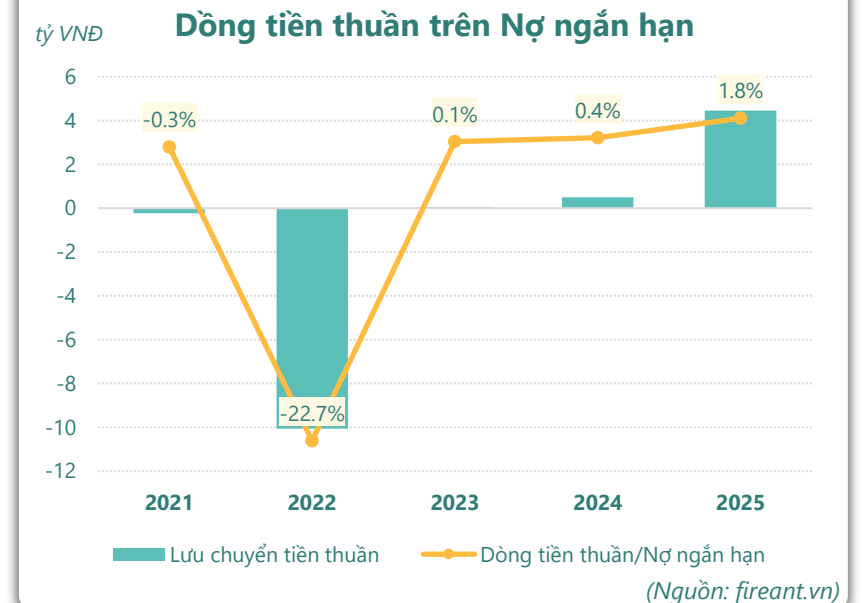
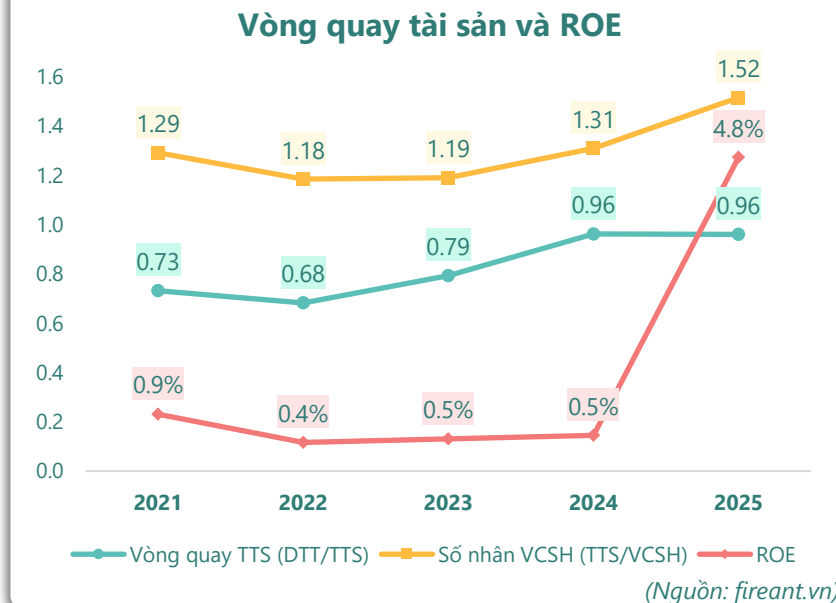
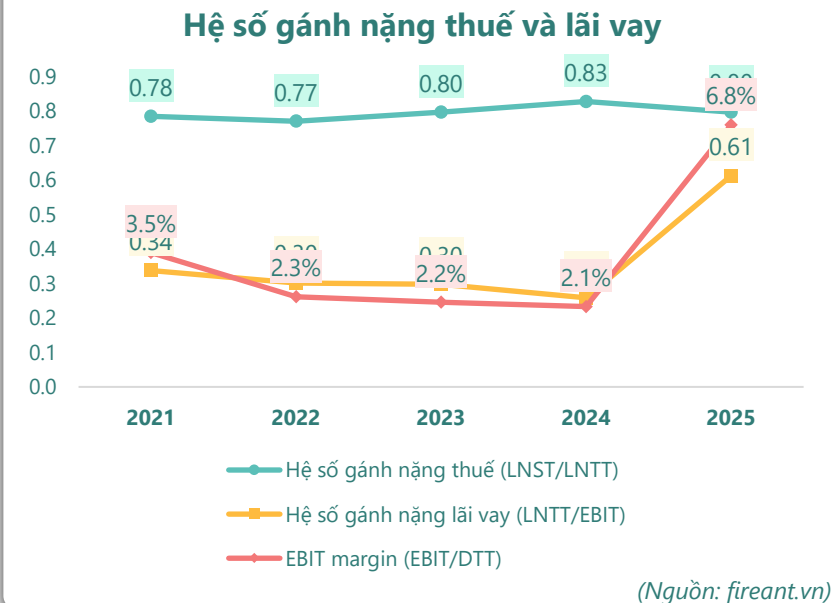
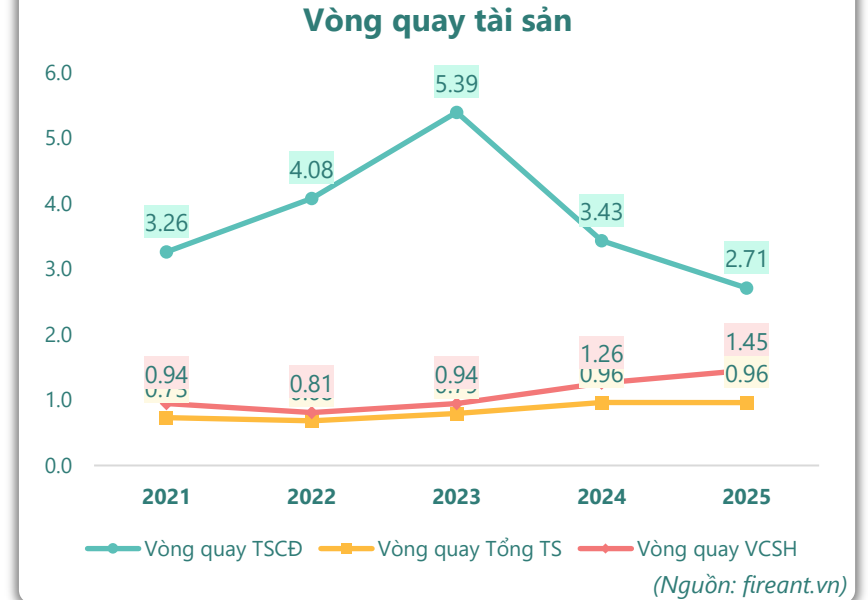
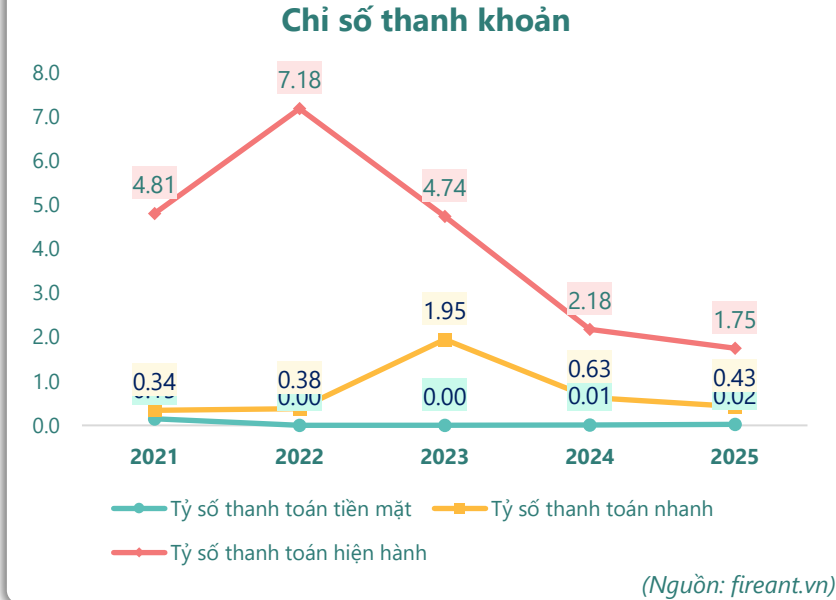
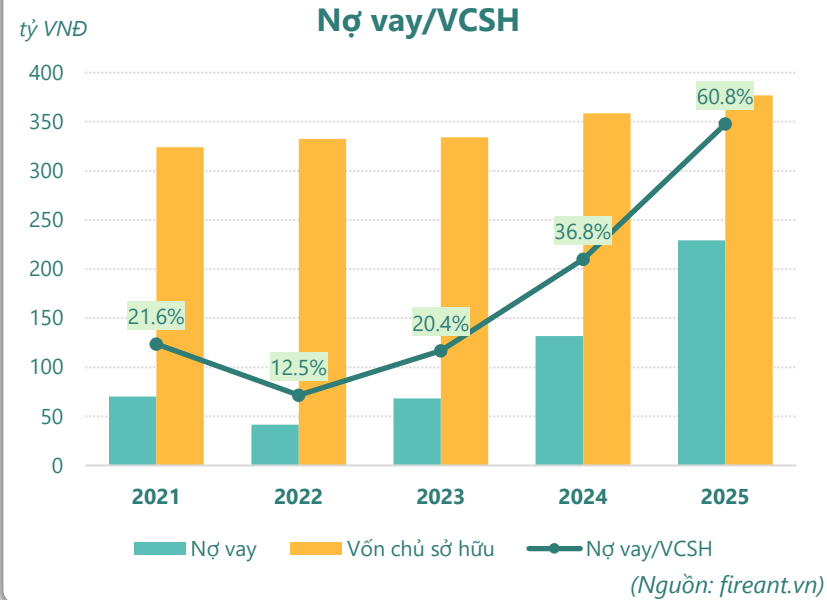
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	116	62.3	86.2%	535	436	22.6%
Giá vốn hàng bán	107	58.1	83.7%	492	420	17.0%
Lợi nhuận gộp	9.33	4.20	122%	42.9	15.8	172%
Doanh thu HĐTC	0.08	0.02	284%	0.10	0.28	-63.4%
Chi phí TC	4.23	2.19	93.2%	14.4	6.99	106%
Chi phí lãi vay	4.17	2.07	101%	14.0	6.70	109%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.45	0.55	-18.8%	1.83	2.59	-29.2%
Chi phí QLDN	1.48	1.27	16.8%	4.64	4.37	6.3%
LN thuần từ HĐKD	3.24	0.21	1443%	22.1	2.12	944%
Lợi nhuận khác	-0.04	0.33	-112%	0.02	0.22	-90.0%
LN trước thuế	3.20	0.54	493%	22.1	2.34	848%
Lợi nhuận sau thuế	2.52	0.48	426%	17.6	1.93	812%
LNST của CĐ cty mẹ	2.47	0.43	476%	17.5	1.88	831%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	47.5	-18.1	-20.8	-48.3	-26.7	4.67
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-70.1	-0.87	0.00	-0.89	-0.21	-0.79
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	18.7	16.6	26.5	43.7	27.6	-0.20
Tiền đầu kỳ	6.96	3.03	0.69	6.42	0.87	1.47
Lưu chuyển tiền thuần	-3.91	-2.34	5.74	-5.55	0.60	3.67
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.02	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	3.03	0.69	6.42	0.87	1.47	5.14

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	620	494	25.5%
Tài sản ngắn hạn	424	294	44.2%
Tiền và tương đương tiền	5.14	0.69	649%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	95.6	84.3	13.4%
Hàng tồn kho	320	209	53.3%
Tài sản ngắn hạn khác	3.39	0.50	580%
Tài sản dài hạn	196	200	-2.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	195	199	-2.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0.18	-100%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.46	0.33	38.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	243	136	79.3%
Nợ ngắn hạn	243	135	79.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	229	131	74.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	7.64	2.22	243%
Nợ dài hạn	0.62	0.56	10.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.42	0.56	-25.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	377	358	5.1%
Vốn chủ sở hữu	377	358	5.1%
Vốn điều lệ	331	331	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

